ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 97 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 19944/TTr-SNV ngày 30 tháng 9 năm 2026 và kết quả biểu quyết của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2026 – 2031;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *24* tháng *11*năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố: Pháp chế, VHXH;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- TT TTĐT TP;
- TT PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/Tr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97 /2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung được giao tại điểm a khoản 2 Điều 6 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 về chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành; các cơ quan hành chính khác; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nền hành chính số: là nền hành chính nhà nước được tổ chức, quản lý và vận hành hoàn chỉnh trên môi trường số, trong đó hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công được thực hiện dựa trên hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và công nghệ số thống nhất nhằm tối ưu hóa hiệu quả bộ máy chính quyền.

2. Công vụ số: là phương thức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên môi trường số thông qua việc sử dụng các hệ thống thông tin công vụ số, dữ liệu số và nền tảng số dùng chung theo đúng quy định pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số

1. Phù hợp Hiến pháp, pháp luật, các chiến lược quốc gia và đặc biệt bám sát các cơ chế chính sách đặc thù được giao cho Thành phố Hồ Chí Minh tại Luật Phát triển đô thị; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông, thông suốt trong toàn hệ thống chính quyền Thành phố.

2. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; bảo đảm tính thuận tiện, dễ tiếp cận, minh bạch, công bằng, giảm chi phí hành chính và nâng cao mức độ hài lòng thực tế của xã hội.

3. Lấy dữ liệu số làm nguồn lực quan trọng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công; bảo đảm dữ liệu được tạo lập một lần, cập nhật, kết nối, chia sẻ và sử dụng nhiều lần theo quy định của pháp luật, hướng tới quản trị và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

4. Ưu tiên sử dụng hạ tầng số, nền tảng số và cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố; không đầu tư, mua sắm hoặc xây dựng riêng lẻ, trùng lặp, phân tán các hệ thống thông tin có tính năng tương đồng khi đã có giải pháp dùng chung đáp ứng yêu cầu.

5. Thực hiện làm việc trên môi trường số; tổ chức chuyển đổi, xử lý và lưu trữ hồ sơ đối với các quy trình nội bộ, quy trình liên thông và thủ tục hành chính, không duy trì phương thức thủ công song song đối với các quy trình đã đủ điều kiện chuyển đổi số hoàn toàn.

6. Bảo đảm tuyệt đối an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình thu thập, xử lý, khai thác, lưu trữ, chia sẻ, chuyển giao dữ liệu.

7. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả tổ chức thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong vận hành nền hành chính số và thực hiện công vụ số.

8. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng công nghệ số tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa quy trình nghiệp vụ phù hợp với thực tiễn quản lý đô thị đặc biệt của Thành phố.

9. Bảo đảm tính toàn diện, bình đẳng, có chính sách và công cụ hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm yếu thế tiếp cận, khai thác dịch vụ hành chính số.

Chương II

CHÍNH SÁCH VỀ NỀN HÀNH CHÍNH SỐ

Điều 5. Phát triển và quản lý hạ tầng số

1. Thành phố đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối, liên thông từ cấp Thành phố đến cấp xã và với các hệ thống, nền tảng dùng chung

của Trung ương; việc phát triển hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống thông tin phải tuân thủ kiến trúc số quốc gia, Kiến trúc Chính quyền số Thành phố và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật có liên quan.

2. Các thành phần hạ tầng số cốt lõi và bắt buộc dùng chung của Thành phố bao gồm:

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối đồng bộ từ các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp Thành phố đến cấp xã theo quy định.

b) Trung tâm dữ liệu Thành phố và hạ tầng điện toán đám mây dùng chung, cung cấp công cụ lưu trữ, xử lý, sao lưu, dự phòng và bảo đảm an ninh dữ liệu tập trung.

c) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp địa phương (LGSP) kết nối, liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và các nền tảng dùng chung quốc gia theo quy định.

d) Nền tảng bản đồ dùng chung Thành phố đã được phê duyệt; các cơ quan nhà nước phải tích hợp và sử dụng nền tảng bản đồ số Thành phố trong các nhiệm vụ quản lý đô thị, quy hoạch xây dựng, địa chính, hạ tầng kỹ thuật và các dự án ứng dụng công nghệ thông tin có cấu phần dữ liệu không gian địa lý.

3. Thành phố khai thác, sử dụng các nền tảng, hạ tầng và năng lực dùng chung ở phạm vi quốc gia khi đáp ứng yêu cầu; tập trung nguồn lực cho các thành phần, bài toán và dữ liệu có tính đặc thù của Thành phố, tránh đầu tư trùng lặp. Việc đầu tư, thuê dịch vụ, hợp tác công - tư và huy động nguồn lực khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin thực hiện theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 6. Quản trị và khai thác dữ liệu số

1. Phát triển dữ liệu số trở thành nguồn lực phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội; huy động các nguồn lực hợp pháp để xây dựng, cập nhật, làm giàu và khai thác dữ liệu số.

2. Thành phố đầu tư xây dựng, phát triển và quản trị các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu vận hành nền hành chính số; bảo đảm dữ liệu được quản lý thống nhất, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng theo quy định.

3. Việc chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc, cung cấp dịch vụ công và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được thực hiện trên cơ sở khai thác, phân tích và sử dụng dữ liệu.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ xây dựng, quản trị, khai thác dữ liệu số của Thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hoạt động của cơ quan, đơn vị trên môi trường số

1. Thực hiện tiếp nhận, xử lý, phát hành và lưu trữ văn bản, hồ sơ công việc bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật; bảo đảm khả năng tra cứu, theo dõi, kiểm tra và khai thác trong quá trình xử lý công việc.

2. Quy trình nội bộ, quy trình liên thông được rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc dựa trên dữ liệu. Việc rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo khoản 5 Điều 8 và Điều 15 Quy định này.

3. Việc giao nhiệm vụ, xử lý công việc, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện trên môi trường số, bảo đảm xác định được trách nhiệm, thời gian và kết quả xử lý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố, trừ trường hợp có quy định khác, kết nối số liệu trực tiếp từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; loại bỏ hoàn toàn các báo cáo giấy đối với nội dung đã được cập nhật dữ liệu tự động.

5. Ưu tiên các cuộc họp, hội nghị, giao ban được tổ chức theo phương thức trực tuyến và sử dụng tài liệu điện tử, giảm tối đa hội nghị trực tiếp không cần thiết và cắt giảm sử dụng tài liệu giấy.

6. Công khai, cập nhật thông tin về chương trình, kế hoạch, tiến độ và kết quả xử lý công việc trên môi trường số theo quy định, bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

7. Phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý, xử lý, theo dõi và công khai kết quả trên các hệ thống số theo quy định; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thời hạn.

8. Các cơ quan, đơn vị hoạt động trên môi trường số phải bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật.

Điều 8. Giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1. Thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ, khai thác và tái sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công được thực hiện trên cơ sở khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung; bảo đảm kết nối, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định.

3. Cơ quan, đơn vị không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác được tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc hệ thống thông tin đã được công bố đủ điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật.

4. Việc thiết kế dịch vụ công trực tuyến hướng tới tính chủ động và cá nhân hóa trên cơ sở dữ liệu được phép khai thác; việc cung cấp dịch vụ công chủ động theo các sự kiện cuộc đời được thực hiện theo mức độ, điều kiện và lộ trình phù hợp, bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng, khả năng kiểm soát và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Việc rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm khai thác, tái sử dụng dữ liệu và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa, có giá trị pháp lý; giảm thành phần hồ sơ, thông tin phải kê khai và các bước xử lý không cần thiết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Ứng dụng công nghệ số tiên tiến trong hoạt động quản lý nhà nước

1. Thành phố khuyến khích ứng dụng các công nghệ số tiên tiến bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa quy trình nghiệp vụ vào hoạt động phân tích, dự báo và hỗ trợ lãnh đạo Thành phố ra quyết định chính xác tại Trung tâm thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành (IOC) theo đúng mục tiêu của Chiến lược dữ liệu số Thành phố và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc ứng dụng công nghệ số tiên tiến phải bảo đảm:

a) Trí tuệ nhân tạo là công cụ hỗ trợ phân tích, tổng hợp, cảnh báo, gợi ý; không thay thế việc xem xét, kết luận của cơ quan, người có thẩm quyền. Kết quả do AI tạo ra phải có khả năng truy xuất, kiểm chứng, đối chiếu với căn cứ pháp lý liên quan và được người có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá trước khi sử dụng; người có thẩm quyền chịu trách nhiệm đối với quyết định cuối cùng.

b) Ứng dụng AI phải bảo đảm tính minh bạch, khả năng giải trình, truy vết phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro của hệ thống; bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin theo quy định. Không xử lý thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước trên hệ thống AI chưa đáp ứng yêu cầu an toàn, an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Việc nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ số mới và AI, bao gồm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) khi được pháp luật cho phép, phải tuân thủ đúng căn cứ pháp lý, thẩm quyền, phạm vi, điều kiện, quy trình, yêu cầu quản trị rủi ro, minh bạch, giải trình và bảo vệ dữ liệu.

Chương III

CHÍNH SÁCH VỀ CÔNG VỤ SỐ

Điều 10. Thực thi công vụ trên môi trường số

1. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thực hiện công vụ trên môi trường số, sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng và công cụ công vụ số dùng chung của Thành phố thường xuyên, liên tục theo quy định; bảo đảm quá trình thực hiện nhiệm vụ được quản lý, theo dõi, tra cứu, thống kê báo cáo và lưu vết trên môi trường số.

2. Việc giao nhiệm vụ, xử lý công việc, xử lý văn bản, trao đổi chuyên môn, ký số toàn trình, phê duyệt và báo cáo tiến độ phải được cập nhật, luân chuyển, xử lý, lưu trữ trên hệ thống thông tin. Trường hợp xử lý, trao đổi công việc ngoài hệ thống, nội dung và kết quả liên quan phải được cập nhật kịp thời để bảo đảm tính đầy đủ, liên tục của hồ sơ công việc.

3. Căn cứ yêu cầu công vụ, tính chất nhiệm vụ, vị trí việc làm và điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị được tổ chức làm việc trực tuyến, linh hoạt, từ xa hoặc kết hợp trên môi trường số, bảo đảm hoạt động thông suốt, không ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính, an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật. Việc áp dụng do người đứng đầu quyết định và theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nhật ký hệ thống và dấu vết số hình thành tự động trong quá trình thực thi công vụ là nguồn thông tin phục vụ theo dõi, kiểm tra, kiểm soát nội bộ và thanh tra công vụ; bảo đảm tính chính xác, tính minh bạch, loại bỏ hoàn toàn các can thiệp thủ công làm sai lệch thời gian và kết quả xử lý công việc.

5. Việc phân quyền truy cập, quản lý tài khoản, lưu trữ, bảo quản và khai thác nhật ký hệ thống, hồ sơ và dữ liệu công vụ số phải được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm và thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số

1. Các sở, ban, ngành; các cơ quan hành chính khác; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu sử dụng dữ liệu thực tế kết xuất từ hệ thống thông tin công vụ số là một trong các nguồn thông tin để theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả

công việc của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm và đặc điểm nhiệm vụ.

2. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo hướng định lượng, minh bạch, khách quan, gắn với vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao và chất lượng kết quả đầu ra; kết hợp dữ liệu thực thi công vụ, nhật ký hệ thống và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với vị trí trực tiếp cung cấp dịch vụ công theo quy định.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng, bình xét thi đua, khen thưởng và thực hiện chính sách thu nhập và các chính sách hỗ trợ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và của Thành phố.

Điều 12. Nâng cao năng lực số của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong hệ thống chính quyền Thành phố có nghĩa vụ tự học tập, cập nhật kiến thức công nghệ số, kỹ năng khai thác dữ liệu sử dụng thành thạo các hệ thống dùng chung và kiến thức cơ bản cần thiết về an ninh mạng, kỹ năng bảo vệ dữ liệu, thông tin cá nhân phù hợp với yêu cầu năng lực số của vị trí việc làm theo quy định.

2. Thành phố có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số định kỳ và đột xuất cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị dữ liệu, bảo mật an toàn thông tin và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Điều 13. Thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học phục vụ công vụ số

1. Triển khai đầy đủ chính sách thu hút, người có tài năng quy định tại Điều 38 Luật Phát triển đô thị; Thành phố xây dựng cơ chế đặc thù, vượt trội để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, công nghệ điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn, quản trị dữ liệu và các lĩnh vực công nghệ số khác phục vụ xây dựng nền hành chính số và công vụ số.

2. Thành phố áp dụng các hình thức thu hút, huy động chuyên gia linh hoạt, phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Tư vấn, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ theo thời hạn hoặc theo nhiệm vụ, sản phẩm.

b) Mời chuyên gia, nhà khoa học tham gia các hội đồng, tổ tư vấn, phản biện hoặc nhóm chuyên gia của Thành phố.

c) Hợp tác với cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong nước và nước ngoài để huy động chuyên gia tham gia nghiên cứu, tư vấn, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ về công nghệ số.

3. Thành phố thực hiện cơ chế thù lao, đãi ngộ, hỗ trợ đối với chuyên gia, nhà khoa học theo quy định của pháp luật và chính sách thu hút nhân tài của Thành phố; khuyến khích cơ chế chi trả gắn với sản phẩm đầu ra, chất lượng và hiệu quả ứng dụng thực tế của nhiệm vụ, giải pháp công nghệ.

4. Chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia một hoặc nhiều nhiệm vụ sau:

a) Tư vấn, phản biện độc lập đối với các dự án hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quan trọng.

b) Nghiên cứu, đề xuất và đánh giá giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu và công nghệ số tiên tiến trong quản lý nhà nước.

c) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

d) Tham gia thử nghiệm, đánh giá và hoàn thiện các giải pháp công nghệ trong phạm vi cơ chế thử nghiệm được pháp luật cho phép.

Chương IV

BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN NỀN HÀNH CHÍNH SỐ VÀ CÔNG VỤ SỐ

Điều 14. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, lộ trình chuyển đổi số

1. Căn cứ Quy định này, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của quốc gia và Thành phố, các cơ quan, đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi hoạt động quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và thực thi công vụ lên môi trường số thuộc phạm vi quản lý.

2. Kế hoạch, lộ trình tổ chức thực hiện phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm, thời hạn hoàn thành, nguồn lực, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cơ chế phối hợp, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

3. Triển khai thực hiện đối với các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; các quy trình có khối lượng xử lý lớn; các lĩnh vực có khả năng khai thác, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu.

4. Các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch, quy trình và nhiệm vụ khi có thay đổi về quy định pháp luật, yêu cầu quản lý, hạ tầng, dữ liệu hoặc công nghệ; bảo đảm việc chuyển đổi số được thực hiện đồng bộ, tránh đầu tư, triển khai phân tán, trùng lặp.

Điều 15. Rà soát, tái cấu trúc và số hóa quy trình

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý tổ chức rà soát quy trình nội bộ, quy trình liên thông và quy trình giải quyết thủ tục hành chính trước khi thực hiện trên môi trường số; xác định các khâu trung gian, bước xử lý, thành phần hồ sơ, thông tin phải kê khai có thể đơn giản hóa, cắt giảm hoặc thay thế trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu theo quy định.

2. Việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình liên thông được thực hiện theo hướng đơn giản hóa các khâu trung gian, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, dữ liệu và phương thức xử lý; xác định rõ trách nhiệm, thời hạn, dữ liệu đầu vào, kết quả đầu ra; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu và tự động hóa phù hợp với yêu cầu quản lý và quy định của pháp luật.

3. Việc tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thông tin phải kê khai và các bước xử lý trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa và có giá trị pháp lý; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác theo quy định; bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến được kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

4. Trường hợp việc rà soát, tái cấu trúc quy trình làm phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ quy định của pháp luật, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định; đồng thời thường xuyên theo dõi, đánh giá, cải tiến quy trình sau khi đưa vào vận hành, bảo đảm không làm phát sinh thêm thủ tục, thành phần hồ sơ, thông tin phải cung cấp và không làm gián đoạn việc giải quyết công việc, thủ tục hành chính.

Điều 16. Tổ chức vận hành, kết nối và khai thác các nền tảng số, dữ liệu số dùng chung

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất việc kết nối, tích hợp và khai thác các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc số Thành phố, Khung kiến trúc dữ liệu và Khung quản trị, quản lý dữ liệu Thành phố, cùng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

a) Tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, làm giàu và bảo đảm chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, thống nhất và khả năng tái sử dụng của dữ liệu.

b) Kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; phân quyền truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

c) Theo dõi, giám sát việc khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu.

d) Quản lý, bảo vệ dữ liệu trong suốt quá trình tạo lập, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và sử dụng.

3. Việc xây dựng, nâng cấp, thuê dịch vụ hoặc đầu tư hệ thống thông tin mới, hệ thống chuyên ngành phải bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, liên thông, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các hệ thống có liên quan theo quy định; sử dụng nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

4. Việc khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, thực thi công vụ số và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo nguyên tắc "tạo lập một lần, sử dụng nhiều lần", trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; cơ quan chủ quản hệ thống và đơn vị vận hành kỹ thuật thực hiện trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao. Việc phân quyền truy cập, khai thác, sử dụng và xác định thời hạn lưu trữ dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bảo đảm điều kiện và năng lực thực hiện công vụ số

1. Cơ quan, đơn vị bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được trang bị tài khoản, thiết bị, công cụ, quyền truy cập và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số, phù hợp với vị trí việc làm, yêu cầu công việc và quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ thường xuyên về:

a) Kỹ năng sử dụng các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung;

b) Kỹ năng khai thác, sử dụng và quản trị dữ liệu;

c) Kiến thức về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân;

d) Kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số phù hợp với nhiệm vụ;

đ) Phương pháp làm việc, phạm vi trách nhiệm phối hợp và quản lý công việc trên môi trường số.

3. Việc đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo nhu cầu của vị trí việc làm, mức độ thành thạo và yêu cầu chuyển đổi số của từng cơ quan, đơn vị; kết hợp

đào tạo tập trung, trực tuyến, tự học, hướng dẫn tại chỗ và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Cơ quan, đơn vị căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và nhu cầu thực tế, xác định lĩnh vực, nhiệm vụ cần huy động chuyên gia, nhà khoa học; xây dựng danh mục nhiệm vụ, tiêu chí lựa chọn, phương thức huy động, giao nhiệm vụ và đánh giá kết quả; đề xuất chế độ đãi ngộ phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

5. Cơ quan, đơn vị bố trí đầu mối hoặc bộ phận có trách nhiệm hỗ trợ triển khai, hướng dẫn sử dụng, tiếp nhận và xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành hệ thống số, thực hiện công vụ số.

6. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng và mức độ đáp ứng năng lực số được cập nhật, theo dõi trên môi trường số và gắn với yêu cầu năng lực của vị trí việc làm theo quy định.

Điều 18. Theo dõi, đo lường, kiểm tra và cải tiến việc thực hiện

1. Việc tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số được theo dõi, đo lường và đánh giá thường xuyên trên cơ sở dữ liệu hình thành từ các hệ thống thông tin, nền tảng số và kết quả thực hiện nhiệm vụ; tiêu chí đánh giá được xây dựng theo hướng định lượng, rõ ràng, minh bạch, phù hợp và sử dụng dữ liệu được thu thập tự động, phản ánh kết quả, chất lượng và tác động thực chất.

2. Nội dung theo dõi, đo lường, đánh giá tập trung vào:

a) Tiến độ và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch chuyển đổi số.

b) Mức độ sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung.

c) Mức độ số hóa, liên thông và tái sử dụng dữ liệu.

d) Chất lượng, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công số.

đ) Mức độ thực hiện công vụ trên môi trường số.

e) Chất lượng dữ liệu và mức độ khai thác, sử dụng dữ liệu.

g) Năng lực số của cán bộ, công chức, viên chức;

h) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và các chỉ số khác theo quy định.

3. Kết quả theo dõi, đo lường, đánh giá được cập nhật, tổng hợp và công khai trên môi trường số theo quy định; đồng thời được sử dụng để xác định nhiệm vụ cần khắc phục, điều chỉnh hoặc cải tiến.

4. Cơ quan, đơn vị có kết quả thực hiện chưa đạt yêu cầu phải xây dựng và tổ chức thực hiện biện pháp khắc phục, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, thời hạn hoàn thành và kết quả khắc phục.

5. Việc kiểm tra, giám sát thông qua dữ liệu, nhật ký hệ thống và dấu vết số; ưu tiên phương thức giám sát từ xa, giám sát dựa trên dữ liệu, hạn chế yêu cầu báo cáo hoặc cung cấp lại thông tin đã có trên các hệ thống số.

6. Các mô hình, giải pháp, sáng kiến có hiệu quả trong tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số được đánh giá, hoàn thiện và xem xét nhân rộng theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; theo dõi việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, xử lý các vấn đề phát sinh theo quy định.

b) Chủ trì tham mưu việc cụ thể hóa các yêu cầu về công vụ số, phương thức thực thi công vụ trên môi trường số và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc sử dụng dữ liệu, nhật ký hệ thống và dấu vết số trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì tham mưu chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao phục vụ xây dựng và vận hành nền hành chính số, công vụ số theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của Thành phố.

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, đề xuất điều chỉnh cơ cấu, vị trí việc làm, yêu cầu năng lực và phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ phù hợp với quá trình chuyển đổi sang môi trường số.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hoặc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền số và hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và hệ thống

thông tin theo thẩm quyền; bảo đảm phù hợp Kiến trúc và các khung, tiêu chuẩn quốc gia.

b) Chủ trì tham mưu, hướng dẫn quản lý nhà nước về kiến trúc, hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung và tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ hoạt động trên môi trường số của Thành phố; hướng dẫn, điều phối việc kết nối, tích hợp, liên thông, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị; phối hợp bảo đảm khả năng kết nối, liên thông của các hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Chủ trì rà soát, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Danh mục nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành dùng chung Thành phố khi có thay đổi trong quá trình triển khai thực tế.

d) Chủ trì tham mưu, hướng dẫn việc nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số mới trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc Thành phố theo quy định; phối hợp xác định nhu cầu chuyên môn, kỹ thuật và yêu cầu đối với chuyên gia công nghệ số phục vụ chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và ứng dụng AI.

đ) Chủ trì hướng dẫn, thúc đẩy việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa và các công nghệ số tiên tiến trong hoạt động quản lý nhà nước theo quy định; phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo đảm việc ứng dụng công nghệ đúng mục đích, an toàn và có khả năng kiểm soát.

e) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, hệ thống thông tin và ứng dụng công nghệ số; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc xác định yêu cầu năng lực số đối với các vị trí trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và ứng dụng công nghệ số.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức khai thác các hệ thống số phục vụ chỉ đạo, điều hành (IOC) của Ủy ban nhân dân Thành phố và lãnh đạo Thành phố; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, bảo đảm không thay thế trách nhiệm quản lý dữ liệu, quản trị nghiệp vụ và vận hành kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền.

b) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin để phục vụ chỉ đạo, điều hành và cải thiện chất lượng phục vụ.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính; thúc đẩy khai thác, tái sử dụng dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và giảm thành phần hồ sơ, thông tin tổ chức, cá nhân phải cung cấp lại theo quy định.

4. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

5. Công an Thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và phòng ngừa, xử lý các nguy cơ, sự cố an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp các đơn vị chức năng bảo đảm kết nối, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp các đơn vị tổ chức hướng dẫn, kiểm tra bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số theo thẩm quyền.

d) Chủ trì hướng dẫn yêu cầu bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phương án xử lý sự cố trong quá trình tổ chức làm việc từ xa, làm việc kết hợp.

6. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố

a) Trực tiếp quản lý, vận hành kỹ thuật các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung và hạ tầng số được giao quản lý theo quy định. Chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ hoàn thiện các chỉ tiêu, số liệu báo cáo và tổ chức triển khai cập nhật số liệu trên Trung tâm thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Thành phố (IOC) phục vụ theo dõi giám sát việc thực thi nền hành chính số và công vụ số.

b) Bảo đảm các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung hoạt động ổn định, liên tục, an toàn; tổ chức giám sát, cảnh báo và xử lý các sự cố kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện kết nối, tích hợp kỹ thuật và hỗ trợ chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn và yêu cầu kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức đào tạo, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung, kết nối và khai thác dữ liệu.

đ) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Công an Thành phố trong giám sát an ninh mạng, bảo đảm hoạt động liên tục của các hệ thống được giao quản lý.

e) Theo dõi, tổng hợp dữ liệu kỹ thuật, tình trạng vận hành và mức độ khai thác các nền tảng, hệ thống số được giao quản lý; báo cáo cơ quan có thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý, nâng cấp khi cần thiết.

g) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tiêu chuẩn kỹ thuật đối với thiết bị, tài khoản, nền tảng số, đường truyền, phương thức xác thực và kết nối phục vụ làm việc từ xa; bảo đảm khả năng kết nối, liên thông và hoạt động liên tục của các hệ thống dùng chung.

7. Các sở, ban, ngành, cơ quan hành chính khác thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, Quy định này và các nhiệm vụ được giao tại các chương trình, đề án, kế hoạch về chuyển đổi số Thành phố, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, lộ trình thực hiện nền hành chính số và công vụ số thuộc phạm vi quản lý.

b) Rà soát, tái cấu trúc và tổ chức thực hiện các quy trình nội bộ, quy trình liên thông, thủ tục hành chính và nhiệm vụ công vụ trên môi trường số theo chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Sử dụng thống nhất các nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung triển khai từ bộ chuyên ngành, xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành cấp Thành phố theo danh mục được phân công của Thành phố; thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo quy định.

d) Tổ chức cập nhật, chuẩn hóa, quản lý và bảo đảm chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và khả năng khai thác của dữ liệu.

đ) Bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý được cung cấp các điều kiện cần thiết và được hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng để thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số.

e) Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời khắc phục các hạn chế, bất cập; báo cáo cơ quan có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

g) Không đầu tư, xây dựng hoặc đưa vào sử dụng hệ thống thông tin có chức năng trùng lặp với hệ thống dùng chung khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

h) Nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện nhiệm vụ; đẩy mạnh công tác phối hợp, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

i) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả tổ chức thực hiện nền hành chính số và công vụ số trong phạm vi quản lý.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và Quy định này tổ chức triển khai thực hiện; rà soát, ban hành hoặc điều chỉnh quy trình nội bộ, quy chế làm việc, kế hoạch và các văn bản có liên quan để bảo đảm thống nhất với Quy định này.

2. Việc thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực chuyên ngành phải đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

5. Sở Nội vụ chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết./.